

Số: 2778/UBND-VX

Phường 2, ngày 12 tháng 9 năm 2022

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Thực hiện Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố;

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 2396/UBND-VX ngày 13 tháng 7 năm 2022 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố;

Căn cứ Hướng dẫn số 25942/HD -SLĐTBXH ngày 5 tháng 8 năm 2022 của Sở Lao động- Thương binh và xã hội về Hướng dẫn quy trình khảo sát, xét duyệt danh sách, phương thức, thủ tục chi trả và thanh, quyết toán kinh phí thực hiện một số chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Công văn số 3147/UBND-VX ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 10 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố;

Ủy ban nhân dân Phường 2 triển khai thực hiện chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Phường cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích:

Kịp thời hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn chưa được hưởng chính sách xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ được chăm lo hỗ trợ để ổn định cuộc sống, góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

2. Yêu cầu:

Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không để lợi dụng, trục lợi chính sách.

Quy trình thực hiện phải đồng bộ, thống nhất, phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành chuyên môn, Hệ thống chính trị, Ban điều hành Khu phố, Tổ dân phố với phương thức hỗ trợ linh hoạt, thuận lợi cho đối tượng được hưởng chính sách.

II. NGUYÊN TẮC HỖ TRỢ:

1. Quá trình rà soát, lập danh sách, tổ chức thẩm định và phê duyệt phải đảm bảo nguyên tắc chi đủ, chi đúng, không bỏ sót, không trùng lặp.
2. Công khai minh bạch, thuận lợi về thủ tục cho người thụ hưởng.

Trường hợp đối tượng đủ điều kiện được hưởng trợ cấp theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP thì không được hưởng chính sách này.

III. ĐỐI TƯỢNG, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ; PHƯƠNG THỨC NGUỒN KINH PHÍ, THỜI GIAN THỰC HIỆN:

1. Đối tượng hỗ trợ:

Đối tượng được quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 1, Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố cụ thể:

a) Nhóm 1:

Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên sống đơn thân, neo đơn có hoàn cảnh khó khăn, đang thực tế cư trú tại địa phương có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo Luật Cư trú, thuộc các trường hợp sau:

- Người có con, người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trong độ tuổi lao động có khả năng lao động, người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng duy nhất đã từ vong.
- Người sống đơn thân, neo đơn (không có chồng, vợ, con) có nguồn thu nhập bằng hoặc thấp hơn mức hộ cận nghèo (từ 46 triệu đồng/người/năm trở xuống).

b) Nhóm 2:

Người trong độ tuổi lao động từ đủ 16 đến dưới 60 tuổi thuộc hộ nghèo, đã được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí theo diện **hộ nghèo**, nhưng chưa được hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hoặc trợ cấp xã hội hàng tháng đang thực tế cư trú tại địa phương có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo Luật Cư trú, thuộc các trường hợp sau:

- Bị tai nạn lao động, tai nạn giao thông, tai nạn khác (có xác nhận điều trị của cơ quan y tế có thẩm quyền, của Hội đồng giám định y khoa với tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên, được quy định tại *(khoản 1 Điều 47 Luật Bảo hiểm xã hội; khoản 1 Điều 49 Luật An toàn, Vệ sinh lao động)*: “Người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên” hoặc:
- Bị bệnh hiểm nghèo (có xác nhận điều trị theo quy định Danh mục bệnh hiểm nghèo của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ, Công văn số 6383/BTC-TCT ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Điều 5 của Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ, quy định của Bộ Y tế).

-

c) Nhóm 3:

Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và bị người còn lại bỏ rơi, sống với ông, bà hoặc người nuôi dưỡng nhưng hiện nay ông, bà hoặc người nuôi dưỡng đều đã từ vong (*chưa được hưởng trợ cấp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP*) đang thực tế cư trú tại địa phương có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo Luật Cư trú.

d) Nhóm 4:

Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ, người còn lại có mức thu nhập bằng hộ nghèo (từ 36 triệu đồng/người/năm trở xuống) đang thực tế cư trú tại địa phương có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo Luật Cư trú.

đ) Nhóm 5:

Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ, người còn lại có mức thu nhập bằng hộ cận nghèo (trên 36 triệu đồng đến 46 triệu đồng/người/năm) đang thực tế cư trú tại địa phương có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo Luật Cư trú.

2. Chính sách hỗ trợ:

a) Hỗ trợ hàng tháng tại cộng đồng:

- Đối tượng thuộc nhóm 1. Mức hỗ trợ hàng tháng: 480.000 đồng/người.
- Đối tượng thuộc nhóm 2. Mức hỗ trợ hàng tháng: 480.000 đồng/người.
- Đối tượng thuộc nhóm 3. Mức hỗ trợ hàng tháng tương ứng:
 - + Trẻ em dưới 04 tuổi: 1.200.000 đồng/người.
 - + Trẻ em từ 04 tuổi trở lên: 720.000 đồng/người.
- Đối tượng thuộc nhóm 4. Mức hỗ trợ hàng tháng: 720.000 đồng/người.
- Đối tượng thuộc nhóm 5. Mức hỗ trợ hàng tháng: 480.000 đồng/người.

b) Hỗ trợ cấp thẻ Bảo hiểm y tế miễn phí:

Các đối tượng thuộc nhóm 1, nhóm 3, nhóm 4 và nhóm 5 (trừ trường hợp đã được cấp thẻ bảo hiểm y tế theo đối tượng khác) được hỗ trợ cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí. Mệnh giá thẻ/năm theo qui định của Luật Bảo hiểm y tế.

c) Hỗ trợ về giáo dục:

Các đối tượng thuộc nhóm 3,4,5 được hỗ trợ học phí tương ứng mức học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên bằng với mức học phí do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định hàng năm; trường hợp trẻ em đang học tại các trường tư thục, dân lập mức hỗ trợ học phí bằng với mức học phí của trường công lập.

3. Phương thức hỗ trợ: Chi trả hàng tháng cho các đối tượng thụ hưởng.

4. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

5. Thời gian thực hiện hỗ trợ: Từ ngày 01 tháng 05 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.

6. Trình tự, thủ tục thực hiện (theo Hướng dẫn số 25942/HD-SLĐTBXH thành phố): Quy trình xét duyệt hỗ trợ hàng tháng tại cộng đồng cho các nhóm đối tượng thuộc diện hỗ trợ được quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 1 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố:

Bước 1: Trên cơ sở danh sách các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn và danh sách hộ nghèo (có người trong độ tuổi lao động từ đủ 16 đến dưới 60 tuổi) tại địa phương, tổ trưởng tổ dân phố, tổ nhân dân, trưởng khu phố, ấp thực hiện khảo sát thu nhập và rà soát thông tin của đối tượng trong hộ gia đình, hộ nghèo để xác định các đối tượng, cụ thể: hướng dẫn đối tượng có nhu cầu hỗ trợ hoặc người giám hộ của đối tượng viết Tờ khai đề nghị được hưởng trợ cấp và nộp các bản sao giấy tờ chứng minh có liên quan theo phụ lục 01 mẫu Tờ khai nhóm 1, 2, 3, 4, 5 tương ứng với từng đối tượng.

- Đối với nhóm 1, 3, 4, 5 sử dụng mẫu *Tờ khai đề nghị trợ giúp xã hội cho nhóm 1, 3, 4, 5* tương ứng để thu thập thông tin của chủ hộ và thành viên.

- Đối với nhóm 2: trên cơ sở danh sách hộ nghèo (có người trong độ tuổi lao động từ đủ 16 đến dưới 60 tuổi) do UBND Phường đang quản lý tiếp tục thực hiện rà soát thông tin thành viên của hộ tại thời điểm rà soát (*theo mẫu Tờ khai nhóm 2*).

- Trường hợp đối tượng không có khả năng viết tờ khai đề nghị hoặc không có người giám hộ, người thân thích sống cùng viết tờ khai đề nghị được hỗ trợ thì tổ trưởng tổ dân phố, tổ nhân dân, trưởng khu phố sẽ hỗ trợ viết thay hoặc thông qua người được ủy quyền theo quy định pháp luật (nếu có).

Bước 2: Sau khi tổ chức khảo sát, rà soát, trong vòng 07 ngày, cán bộ phụ trách công tác lao động - thương binh và xã hội Phường phối hợp cùng tổ trưởng tổ dân phố, trưởng khu phố nghiệm thu tờ khai đề nghị trợ giúp xã hội và tổng hợp thành danh sách bình nghị lần 1 (*theo mẫu Danh sách bình nghị lần 1*) cho từng nhóm đối tượng.

Bước 3: Tổ chức bình nghị đối với các nhóm. Trên cơ sở danh sách bình nghị lần 1 do UBND Phường lập, trưởng khu phố tổ chức cuộc họp hộ dân lấy ý kiến bình nghị trong nhân dân về danh sách bình nghị lần 1 cho từng nhóm đối tượng; trong đó, thành phần tham dự gồm: đại diện UBND Phường; đoàn thể, Bí thư Chi bộ khu phố, trưởng khu phố, đại diện tất cả hộ trong danh sách bình nghị và đại diện một số hộ dân trong tổ; mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Phường giám sát, cụ thể:

- Trưởng khu phố Chủ trì cuộc họp thông tin đến thành viên tham dự họp về hộ có đối tượng, chính sách thụ hưởng theo quy định tại Điều 1, Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND. Thư ký cuộc họp có trách nhiệm ghi nhận ý kiến góp ý vào biên bản; hoặc đề nghị bổ sung hộ bị sót chưa được khảo sát hoặc điều chỉnh lại thông tin của hộ.

- Lấy ý kiến biểu quyết thống nhất của ít nhất 50% tổng số người tham dự họp cho từng hộ. Trường hợp biểu quyết thống nhất dưới 50% thì thực hiện rà soát lại theo quy định tại Bước 1 và tiến hành bình nghị lại cho hộ.

- Thư ký lập biên bản cuộc họp (theo mẫu *Biên bản bình nghị lần 1*) cho từng nhóm đối tượng, đọc thông qua thành viên tham dự cùng nghe; chủ trì cuộc họp và đại diện UBND phường cùng ký tên và gửi biên bản cuộc họp kèm theo danh sách bình nghị về cho UBND Phường tổng hợp.

Bước 4: Tổng hợp kết quả và công khai trong dân: UBND Phường tiếp nhận biên bản họp và hồ sơ bình nghị của các khu phố, tổ dân phố tiến hành kiểm tra, tổng hợp vào danh sách bình nghị lần 2 (theo mẫu *Danh sách bình nghị lần 2*) cho từng nhóm đối tượng phục vụ họp tại UBND Phường.

Thư ký lập biên bản cuộc họp (theo mẫu *Biên bản bình nghị lần 2*) cho từng nhóm đối tượng; trong đó, thành phần tham dự gồm: Đảng ủy, UBND Phường, đại diện các ngành, đoàn thể; trưởng khu phố và tổ trưởng dân phố tham dự; mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Phường giám sát họp xem xét thông qua.

Sau cuộc họp, danh sách bình nghị lần 2 sẽ được công khai trong nhân dân trong thời gian 03 ngày tại các bảng thông báo ở trụ sở của UBND Phường, khu phố để người dân được biết.

Bước 5: Tổng hợp, báo cáo UBND Quận.

Sau khi đã hết thời gian công khai trong nhân dân 03 ngày, thì trong 03 ngày tiếp theo UBND Phường báo cáo kết quả khảo sát, rà soát người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn (theo mẫu *báo cáo kết quả khảo sát tổng hợp và danh sách tổng hợp kết quả khảo sát*) gửi Phòng Lao động Thương binh và Xã hội Quận 10.

- Trong vòng 05 ngày, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, lập danh sách tổng hợp (theo mẫu *Danh sách tổng hợp đối tượng đề nghị trợ cấp*) và trình Ủy ban nhân dân Quận 10 về kết quả khảo sát, rà soát.

Bước 6: Căn cứ điều kiện thực tế tại địa phương, trong vòng 05 ngày sau khi nhận được giấy báo có kinh phí, tùy điều kiện cụ thể của địa phương, UBND Phường lựa chọn phương thức chi trả kinh phí hỗ trợ cho đối tượng phù hợp; thực hiện thanh quyết toán kinh phí với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Phòng Kế hoạch - Tài chính theo quy định.

7. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ lần 1:

Tổ trưởng Tổ dân phố rà soát, tổng hợp danh sách đề nghị về Ủy ban nhân dân phường hạn chót **16/9/2022 (Thứ Sáu)** theo mẫu đính kèm.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Ban điều hành khu phố, Tổ dân phố thắc mắc, chưa rõ các nội dung của Nghị quyết; vui lòng liên hệ cán bộ phụ trách chuyên môn để được giải thích.

Ủy ban nhân dân Phường 2 phân công cán bộ chuyên môn phụ trách tiếp nhận hồ sơ cụ thể như sau:

STT	HỒ SƠ	CÁN BỘ PHỤ TRÁCH	SỐ ĐIỆN THOẠI
Nhóm 1	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên sống đơn thân, neo đơn, có hoàn cảnh khó khăn, đang cư trú thực tế trên địa bàn Phường 2	Bà Trần Thị Thúy Vân (Công chức Văn hóa xã hội)	0902.300.933
Nhóm 2	Người trong độ tuổi lao động (từ đủ 16 đến dưới 60 tuổi thuộc hộ nghèo)	Bà Nguyễn Thị Thu Trang (Chuyên trách Lao động thương binh xã hội)	0906.892.018
Nhóm 3, 4, 5	Trẻ em mồ côi (dưới 16 tuổi theo quy định Luật trẻ em)	Ông Huỳnh Kim Long (Chuyên trách Lao động thương binh xã hội)	0928.424.888

Trên đây là kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Ban điều hành Khu phố, Tổ dân phố và các ban ngành đoàn thể có liên quan triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Phòng LĐTBXH Quận 10;
- TT Đảng ủy Phường;
- TT UBND Phường;
- UB MTTQ và các đoàn thể Phường;
- BCH Công an Phường;
- BDH 8 KP và 118 TDP
- Lưu: VT, VHXH (ntttrang).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Ngọc Bích